TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1658/2018/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1498/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2018 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Thái C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: đường T, Phường MM, quận G, TP. Hồ Chí Minh;

- Bà Nguyễn Thụy Nguyên T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: đường N, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, hôn nhân giữa ông Trương Thái C và bà Nguyễn Thụy Nguyên T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01 ngày 29/10/2008 của UBND Phường 4, thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), tỉnh Long An.

[2] Hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được về tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Thái C và bà Nguyễn Thụy Nguyên T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01 ngày 29/10/2008 của UBND Phường 4, thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), tỉnh Long An hết hiệu lực).

1.2. Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao con tên là Trương Thái Phúc A, sinh ngày 16/10/2009 cho bà Nguyễn Thụy Nguyên T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Thái C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi trẻ thành niên. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Trương Thái C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thụy Nguyên T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trương Thái C chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông Trương Thái C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thụy Nguyên T và ông Trương Thái C chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001401 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường 4, TP.Tân An, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Điệp